

VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG, SINH KẾ VÀ VĂN HÓA - XÃ HỘI CỦA CƯ DÂN ĐẢO KHU VỰC NAM BỘ TRONG BỐI CẢNH ĐÔ THỊ HÓA

Nguyễn Thu Nhung¹, Nguyễn Thị Hòa², Lê Thu Quỳnh³

Tóm tắt: Quá trình đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ gắn với phát triển du lịch, mở rộng hạ tầng và gia tăng hoạt động xây dựng tại các đảo khu vực Nam Bộ, đặc biệt tại Phú Quốc, Kiên Hải và Côn Đảo. Bên cạnh những đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế và cải thiện điều kiện hạ tầng, đô thị hóa cũng đặt ra nhiều thách thức đối với môi trường tự nhiên, sinh kế và đời sống xã hội - văn hóa của cư dân đảo. Bài viết sử dụng dữ liệu khảo sát 523 cư dân địa phương, kết hợp phân tích thống kê mô tả và cách tiếp cận phát triển bền vững - sinh kế bền vững nhằm đánh giá các tác động chủ yếu của quá trình này. Kết quả nghiên cứu cho thấy quá trình đô thị hóa tại các đảo Nam Bộ đang đặt ra đồng thời ba nhóm thách thức lớn. Về môi trường, áp lực gia tăng thể hiện qua sự suy giảm tài nguyên biển, ô nhiễm rác thải, thiếu hụt nước ngọt và nguy cơ xói lở bờ biển trong bối cảnh mở rộng xây dựng và phát triển du lịch. Về sinh kế, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế làm thu hẹp không gian sản xuất truyền thống, gia tăng yêu cầu chuyển đổi nghề và nâng cao năng lực thích ứng của cư dân địa phương. Về xã hội - văn hóa, nhịp độ đô thị hóa nhanh làm biến đổi cấu trúc cộng đồng và đặt ra thách thức trong gìn giữ các giá trị bản địa. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp tích hợp về kiểm soát sức tải môi trường, hỗ trợ sinh kế bền vững và đổi mới quy hoạch - quản lý đô thị đảo theo hướng hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và ổn định xã hội dài hạn.

Từ khóa: Đô thị hóa; Đảo khu vực Nam bộ; Môi trường; Sinh kế; Văn hóa - xã hội.

LIVELIHOOD, ENVIRONMENTAL AND SOCIO-CULTURAL ISSUES OF ISLAND COMMUNITIES IN SOUTHERN VIETNAM IN THE CONTEXT OF URBANIZATION

Abstract: Rapid urbanization has been taking place in islands in southern Viet Nam, particularly in Phu Quoc, Kien Hai and Con Dao, driven by tourism development, infrastructure expansion and increasing construction activities. While urbanization has contributed to economic growth and improvements in physical infrastructure, it has also generated significant challenges for the natural environment, local livelihoods, and socio-cultural systems of island communities. The paper employs survey data from 523 local residents, combined with descriptive statistical analysis and a sustainable development and sustainable livelihoods framework, to examine the major impacts of island urbanization. The research findings indicate that the urbanization process in the Southern Vietnamese islands is simultaneously generating three major groups of challenges. In terms of the environment, increasing pressures are reflected in marine resource degradation, solid waste pollution, freshwater shortages, and coastal erosion risks amid rapid construction expansion and

¹ PGS.TS, Viện Các khoa học và trái đất, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

^{2,3} ThS, Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững, email liên hệ: nguyenhua.iesd@gmail.com.

tourism development. Regarding livelihoods, the shift in economic structure has narrowed traditional production spaces, creating growing demands for occupational transition and enhanced adaptive capacity among local residents. From a socio-cultural perspective, accelerated urbanization has altered community structures and posed challenges to the preservation of indigenous values. Based on these findings, the paper proposes integrated policy solutions focusing on environmental carrying capacity control, sustainable livelihood support, and improved urban island planning and governance to ensure a balanced relationship between economic development, environmental protection, and long-term social stability.

Keywords: *Urbanization; Southern island regions; Environment; Livelihoods; Socio-cultural aspects.*

Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ nhiệm vụ khoa học cấp Nhà nước: “Nghiên cứu cơ sở khoa học cho phát triển hệ thống và mô hình đô thị đảo bền vững ở Việt Nam” mã số KC.09.05/21-30, Chủ nhiệm nhiệm vụ: PGS.TS. Nguyễn Thu Nhung, Viện Các Khoa học trái đất, Viện Hàn lâm Khoa học công nghệ Việt Nam chủ trì.

Nộp bản thảo: 10/12/2025

Chấp nhận đăng: 08/02/2026

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ tại các đảo nói chung và các đảo khu vực Nam Bộ nói riêng, đặc biệt là tại Phú Quốc, Kiên Hải và Côn Đảo. Quá trình đô thị hóa tại các đảo gắn liền với việc phát triển du lịch, mở rộng hạ tầng kỹ thuật và gia tăng các hoạt động xây dựng. Đô thị hóa đã và đang trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ - du lịch và cải thiện một số điều kiện hạ tầng trên các đảo. Tuy nhiên, do đặc thù không gian hạn chế, tài nguyên thiên nhiên và hệ sinh thái dễ tổn thương, quá trình đô thị hóa tại các đảo cũng đặt ra nhiều vấn đề nghiêm trọng đối với môi trường tự nhiên và sinh kế bền vững và văn hóa - xã hội của cộng đồng cư dân địa phương.

Thực tế cho thấy, môi trường biển đảo tại khu vực Nam Bộ nói riêng và trên cả nước nói chung đang chịu áp lực ngày càng lớn từ quá trình đô thị hóa và gia tăng khách du lịch. Theo báo cáo “Phân tích về ô nhiễm rác thải nhựa tại Việt Nam” của World Bank (2022), ước tính lượng rác thải đổ ra đại dương từ 0,28 đến 0,73 triệu tấn mỗi năm. Việc mở rộng xây dựng đô thị, phát triển các khu dân cư, khu du lịch và hạ tầng kỹ thuật đã làm gia tăng lượng rác thải sinh hoạt và nước thải, trong khi hệ thống thu gom và xử lý còn nhiều hạn chế. Các đảo du lịch như Phú Quốc thu hút hơn 5,5 triệu lượt khách mỗi năm, đồng nghĩa với việc khối lượng rác thải sinh hoạt và nhựa dùng một lần tăng mạnh trong các mùa cao điểm du lịch.

Nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch (2021) cho thấy, mỗi khách du lịch lưu trú phát sinh trung bình khoảng 1,2 kg rác/ngày, trong đó rác thải nhựa chiếm khoảng 60%, khiến áp lực thu gom và xử lý chất thải vượt quá năng lực hiện tại ở nhiều đảo. Cùng với đó, tình trạng suy giảm chất lượng môi trường biển, bãi tắm và nguồn nước ngọt, xói lở bờ biển và suy thoái cảnh quan tự nhiên đang ngày càng trở nên rõ nét. Các tác động này không chỉ làm suy giảm chất lượng môi trường sống mà còn đe dọa trực tiếp đến các hệ sinh thái biển đảo, vốn giữ vai trò nền tảng cho phát triển lâu dài.

Bên cạnh các tác động môi trường, đô thị hóa tại các đảo cũng tạo ra những biến đổi đáng kể đối với sinh kế của cư dân địa phương. Nhiều nghiên cứu về phát triển đảo và ven biển cho thấy quá trình mở rộng không gian xây dựng và phát triển du lịch thường kéo theo sự thu hẹp đất sản xuất và biến đổi không gian sinh kế truyền thống (Briguglio, 1995; Grydehøj, 2015). Kết quả khảo sát trong nghiên cứu này cũng phản ánh xu hướng tương tự, khi diện tích đất nông nghiệp và không gian sinh kế ven biển có xu hướng bị thu hẹp, đồng thời áp lực khai thác tài nguyên biển gia tăng. Các hoạt động sinh kế truyền thống như đánh bắt thủy sản và nông nghiệp quy mô nhỏ ngày càng gặp nhiều khó khăn do suy giảm tài nguyên, biến động môi trường và cạnh tranh trong tiếp cận đất đai, mặt nước. Mặc dù quá trình phát triển đô thị và du lịch mở ra một số cơ hội việc làm mới trong lĩnh vực dịch vụ, song nhiều nghiên cứu cho thấy chuyển đổi sinh kế tại các đảo thường không diễn ra đồng đều giữa các nhóm dân cư và dễ làm gia tăng mức độ dễ bị tổn thương sinh kế nếu thiếu chính sách hỗ trợ phù hợp (DFID, 1999; UNDP, 2016). Kết quả điều tra của nghiên cứu này cũng cho thấy quá trình chuyển đổi sinh kế của người dân địa phương còn đối mặt với nhiều rào cản, tiềm ẩn nguy cơ bất ổn sinh kế trong dài hạn. Mặc dù đô thị hóa và du lịch tại Phú Quốc, Kiên Hải và Côn Đảo tạo thêm việc làm trong lĩnh vực dịch vụ, song khả năng tham gia của cư dân địa phương còn hạn chế. Nhiều hộ trước đây phụ thuộc vào đánh bắt và sản xuất nhỏ gặp khó khăn do thiếu kỹ năng, vốn và khả năng cạnh tranh với doanh nghiệp, lao động ngoài địa phương. Quá trình chuyển đổi sinh kế vì vậy diễn ra không đồng đều, làm gia tăng mức độ dễ bị tổn thương và nguy cơ phân hóa xã hội trong không gian đảo đang đô thị hóa nhanh.

Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu tổng hợp các vấn đề môi trường và sinh kế, văn hóa của cư dân đảo khu vực Nam Bộ trong bối cảnh đô thị hóa là yêu cầu cấp thiết cả về mặt khoa học và thực tiễn. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện có về môi trường - sinh kế tại các đảo ở Việt Nam vẫn còn hạn chế ở chỗ chủ yếu xem xét theo phạm vi rộng hoặc ở quy mô vùng, chưa đi sâu vào đặc thù điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của từng đảo cụ thể. Đồng thời, ít nghiên cứu làm rõ mối liên hệ giữa biến đổi môi trường ven biển với sự bền vững của sinh kế cộng đồng dân cư trong bối cảnh đô thị hóa nhanh và gia tăng du lịch - hai yếu tố đang định hình mạnh mẽ hiện trạng xã hội, kinh tế và môi trường tại các khu vực đảo. Vì vậy, nghiên cứu tập trung xem xét các đảo tại Nam Bộ như những trường hợp cụ thể, nhằm phân tích mối liên hệ giữa áp lực môi trường và sinh kế cư dân trong bối cảnh đô thị hóa và phát triển du lịch tại ba đặc khu Phú Quốc, Kiên Hải và Côn Đảo, làm cơ sở đề xuất các định hướng và giải pháp phát triển đô thị đảo theo hướng hạn chế tác động tiêu cực, bảo vệ môi trường và ổn định sinh kế, giữ gìn văn hóa cho cư dân trong dài hạn.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Trong nghiên cứu này, đô thị hóa được hiểu là quá trình gia tăng các hoạt động xây dựng, mở rộng không gian ở và dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dân cư theo hướng phi nông nghiệp, kéo theo những biến đổi về sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật và lối sống của cộng đồng địa phương (UN DESA, 2019). Khi diễn ra trên không gian đảo, đô thị hóa thường chịu sự ràng buộc mạnh bởi diện tích đất hạn chế, hệ sinh thái nhạy cảm và khả năng cung cấp tài nguyên tại chỗ, do đó các hệ quả môi trường và xã hội thường biểu hiện nhanh và rõ nét hơn so với khu vực đất liền.

Môi trường đảo được xem là hệ thống sinh thái có mức độ nhạy cảm cao và sức chịu tải hạn chế. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng đô thị hóa nhanh trên các đảo nhỏ thường dẫn đến suy thoái tài nguyên

nước ngọt, ô nhiễm môi trường biển và suy giảm đa dạng sinh học, qua đó làm gia tăng tính dễ tổn thương của hệ sinh thái (Briguglio, 1995). Bê tông hóa bề mặt, gia tăng rác thải và nước thải sinh hoạt, cùng với áp lực từ hoạt động du lịch là những yếu tố phổ biến làm suy giảm chất lượng môi trường tại các đảo nếu năng lực hạ tầng và quản lý không theo kịp tốc độ phát triển.

Về phương diện kinh tế - xã hội, sinh kế của cư dân đảo thường gắn chặt với nguồn vốn tự nhiên, đặc biệt là khai thác thủy sản, nông nghiệp quy mô nhỏ và các hoạt động ven bờ. Theo khung sinh kế bền vững của DFID (1999, 2001), sinh kế được hình thành từ sự kết hợp của năm loại nguồn vốn: tự nhiên, con người, tài chính, vật chất và xã hội. Quá trình đô thị hóa và phát triển du lịch có thể thúc đẩy chuyển dịch sinh kế sang dịch vụ và thương mại, song đồng thời cũng làm gia tăng rủi ro đối với những nhóm cư dân có hạn chế về trình độ, vốn và khả năng tiếp cận thị trường, dẫn đến nguy cơ bất ổn sinh kế.

Bên cạnh đó, đời sống văn hóa - xã hội của cư dân đảo gắn liền với nghề truyền thống, tri thức bản địa, tập quán sinh hoạt và các mối quan hệ cộng đồng hình thành trong quá trình khai thác và thích ứng với môi trường biển đảo. Các biến đổi về môi trường và sinh kế không chỉ tác động đến thu nhập mà còn ảnh hưởng đến sự duy trì các giá trị văn hóa, mức độ gắn kết cộng đồng và các thiết chế xã hội địa phương, đặc biệt trong bối cảnh phát triển du lịch và giao lưu kinh tế - xã hội gia tăng.

2.2. Các tiếp cận, phạm vi, đối tượng, phương pháp nghiên cứu

Cách tiếp cận

Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận tổng hợp, kết hợp giữa tiếp cận phát triển bền vững, sinh kế bền vững và phát triển đô thị dựa vào cộng đồng. Trong đó, cộng đồng cư dân đảo được xem là chủ thể trung tâm, vừa là đối tượng chịu tác động trực tiếp của quá trình đô thị hóa, vừa là nguồn cung cấp thông tin quan trọng để đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp.

Trên cơ sở cách tiếp cận nêu trên, nghiên cứu vận dụng khung phân tích tích hợp nhằm xem xét mối quan hệ giữa bối cảnh đô thị hóa với các vấn đề môi trường, sinh kế và đời sống xã hội - văn hóa của cư dân đảo theo hướng tương tác đa chiều. Theo đó, các biến động về phát triển không gian và gia tăng hoạt động kinh tế - dịch vụ được xem là yếu tố bối cảnh có khả năng làm gia tăng áp lực lên môi trường; những thay đổi về điều kiện môi trường có thể ảnh hưởng đến khả năng duy trì sinh kế; trong khi đặc điểm sinh kế và cấu trúc xã hội cộng đồng cũng tác động ngược trở lại đến cách thức khai thác tài nguyên và tham gia bảo vệ môi trường.

Cách tiếp cận này cho phép phân tích đồng thời các nhóm vấn đề môi trường, sinh kế và xã hội - văn hóa trong một khung liên kết, nhấn mạnh vai trò của cộng đồng địa phương và đặc thù không gian đảo trong quá trình đô thị hóa.

Phạm vi và đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại ba đặc khu thuộc khu vực Nam Bộ gồm Phú Quốc, Kiên Hải và Côn Đảo. Đối tượng nghiên cứu là vấn đề môi trường, sinh kế, văn hóa - xã hội của cư dân đảo khu vực Nam Bộ trong bối cảnh đô thị hóa.

Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu nghiên cứu bao gồm dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp. Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các tài liệu, báo cáo, nghiên cứu trước đây liên quan đến đô thị hóa đảo, môi trường và sinh kế bền

vững. Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua điều tra xã hội học bằng bảng hỏi cấu trúc với số lượng là 523 đáp viên, sử dụng thang đo Likert 5 mức độ (1. Hoàn toàn không đồng ý - 5. Hoàn toàn đồng ý) để đánh giá nhận thức, quan điểm và mức độ đồng thuận của người dân đối với các vấn đề liên quan đến đô thị hóa, môi trường, hạ tầng, sinh kế và văn hóa của cộng đồng.

Khách thể nghiên cứu là cư dân đang sinh sống trên các đảo, trong đó phần lớn là người có thời gian cư trú lâu dài và có hộ khẩu thường trú tại địa phương, phản ánh tương đối đầy đủ đặc điểm kinh tế - xã hội và sinh kế của cộng đồng cư dân đảo.

Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu khảo sát được xử lý và phân tích bằng các phương pháp thống kê mô tả. Kết quả phân tích là cơ sở để thảo luận và đề xuất các hàm ý chính sách phù hợp với điều kiện đặc thù của khu vực nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Vấn đề môi trường tự nhiên

Suy giảm tài nguyên và ô nhiễm môi trường

Kết quả khảo sát cho thấy môi trường tự nhiên tại các đảo khu vực Nam Bộ đang đối mặt với nhiều vấn đề đáng lo ngại trong bối cảnh đô thị hóa và gia tăng hoạt động du lịch. Nhiều vấn đề môi trường cơ bản được cộng đồng cư dân đánh giá mức độ ảnh hưởng tương đối cao. Trong đó, tình trạng rác thải sinh hoạt và rác thải từ hoạt động du lịch được xem là một trong những thách thức nghiêm trọng nhất, với giá trị trung bình cao (Mean = 4,26 đối với rác thải sinh hoạt; Mean = 3,91 đối với rác thải từ khách du lịch). Điều này phản ánh áp lực gia tăng nhanh chóng của lượng chất thải trong khi hệ thống thu gom và xử lý trên đảo còn nhiều hạn chế (Mean=4,08).

Bên cạnh rác thải, chất lượng môi trường biển và bãi tắm cũng được đánh giá là đang suy giảm (Mean = 3,76 đối với chất lượng môi trường đảo; Mean = 4,37 đối với nhu cầu bảo vệ và phục hồi môi trường biển, bãi tắm). Sự suy giảm này gắn liền với hoạt động xây dựng ven biển, phát triển du lịch đại trà và gia tăng nước thải sinh hoạt chưa được xử lý triệt để, làm ảnh hưởng trực tiếp đến hệ sinh thái biển đảo vốn nhạy cảm.

Suy giảm tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên biển, là một biểu hiện đáng chú ý khác. Kết quả khảo sát cho thấy cư dân nhận định tài nguyên thiên nhiên trên đảo đang bị khai thác quá mức (Mean = 3,68) và tài nguyên biển như san hô, thủy sản có xu hướng suy giảm rõ rệt (Mean = 4,05). Đây là những nguồn lực đóng vai trò nền tảng cho sinh kế truyền thống của cư dân đảo, do đó sự suy giảm tài nguyên không chỉ là vấn đề môi trường mà còn kéo theo những hệ lụy về kinh tế xã hội lâu dài cho cư dân đảo.

Ngoài ra, vấn đề nước ngọt tiếp tục là thách thức lớn đối với môi trường và đời sống cư dân đảo. Nhiều ý kiến cho rằng nước sạch chưa được đảm bảo cả về chất lượng và số lượng (Mean = 3,98 - 4,03), phản ánh sự mất cân đối giữa nhu cầu sử dụng ngày càng tăng và khả năng cung cấp nước tự nhiên có hạn của đảo. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu và thời tiết ngày càng bất thường (Mean = 3,93), áp lực lên nguồn nước ngọt càng trở nên nghiêm trọng hơn.

Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy tình trạng này chủ yếu xuất phát từ năng lực hạ tầng môi trường chưa theo kịp tốc độ gia tăng dân số và khách du lịch, trong khi cơ chế kiểm soát nguồn thải từ các cơ sở dịch vụ, lưu trú còn chưa chặt chẽ. Bên cạnh đó, thói quen phân loại rác tại nguồn của người dân và du khách còn hạn chế, làm gia tăng áp lực cho khâu thu gom và xử lý cuối nguồn.

BẢNG 1. ĐÁNH GIÁ CỦA CƯ DÂN VỀ THỰC TRẠNG SUY THOÁI TÀI NGUYÊN VÀ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG Ở CÁC ĐẢO

Các nhận định	Giá trị nhỏ nhất (Min)	Giá trị lớn nhất (Max)	Giá trị trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (Std. Deviation)
1. Tài nguyên thiên nhiên trên đảo hiện đang bị khai thác quá mức	1	5	3,68	1,119
2. Nước ngọt là vấn đề khó khăn, thách thức lớn cho cuộc sống dân cư và sinh kế trên đảo	1	5	4,03	0,997
3. Chất lượng môi trường trên đảo đang bị suy giảm	1	5	3,76	1,097
4. Rác thải sinh hoạt là vấn đề đáng lo ngại trên đảo	1	5	4,26	0,885
5. Rác thải từ khách du lịch đang tạo ra nguy cơ đến môi trường	1	5	3,91	1,071
6. Bờ biển bị xói lở trong vài năm gần đây	1	5	3,63	1,132
7. Thời tiết trên đảo thay đổi thất thường hơn trước	1	5	3,93	0,969
8. Môi trường biển và bãi tắm cần được bảo vệ và phục hồi tốt hơn.	1	5	4,37	0,775
9. Tài nguyên biển (san hô, thủy sản) ngày càng bị suy giảm	1	5	4,05	0,912
10. Nước sạch là vấn đề quan trọng nhưng chưa được có phương án cung cấp đảm bảo	1	5	3,98	1,060
11. Việc thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt trên đảo còn nhiều hạn chế	1	5	4,08	0,941

Nguồn: Khảo sát của nhiệm vụ, 2025.

Áp lực đến môi trường tự nhiên từ phát triển đô thị và hoạt động xây dựng

Quá trình phát triển đô thị và gia tăng các hoạt động xây dựng đang tạo ra những áp lực đáng kể lên không gian và cảnh quan tự nhiên của các đảo nghiên cứu. Kết quả khảo sát cho thấy nhiều cư dân nhận định việc xây dựng nhà ở và công trình thiếu quy hoạch hợp lý đang làm mất đi cảnh quan tự nhiên (Mean = 3,86) và hoạt động du lịch, xây dựng đô thị trên đảo đang gây áp lực lớn lên môi trường tự nhiên (Mean = 3,61). Đồng thời, các quá trình nêu trên cũng làm thu hẹp diện tích cây xanh và không gian sinh thái quan trọng và thu hẹp diện tích đất canh tác trên đảo (Mean=3,84).

Áp lực xây dựng còn thể hiện qua sự gia tăng nhanh chóng các công trình nhà ở tư nhân và khu đô thị mới (Mean = 3,94 - 3,76), trong khi công tác quản lý xây dựng và kiểm soát quy hoạch chưa thực sự chặt chẽ (Mean = 3,89 - 3,91). Việc phát triển không gian đô thị theo chiều rộng, đặc biệt tại các khu vực ven biển và ven rừng, làm gia tăng nguy cơ xói lở bờ biển (Mean = 3,63) và suy giảm các vùng đệm sinh thái tự nhiên có vai trò bảo vệ đảo trước các tác động của thiên tai.

Bên cạnh đó, nhiều ý kiến cho rằng quy hoạch đô thị hiện nay chưa tính đầy đủ đến các yếu tố biến đổi khí hậu và nước biển dâng (Mean = 3,80). Điều này làm gia tăng rủi ro môi trường trong dài hạn, nhất là đối với các đảo có địa hình thấp, quỹ đất hạn chế và khả năng chống chịu sinh thái không cao.

BẢNG 2. ĐÁNH GIÁ CỦA CƯ DÂN VỀ ÁP LỰC TỪ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG Ở CÁC ĐẢO

Các nhận định	Giá trị nhỏ nhất (Min)	Giá trị lớn nhất (Max)	Giá trị trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (Std. Deviation)
1. Bờ biển bị xói lở trong vài năm gần đây	1	5	3,63	1,132
2. Việc xây dựng nhiều nhà cửa thiếu quy hoạch không gian hợp lý đang làm mất đi cảnh quan tự nhiên	1	5	3,86	1,034
3. Việc xây dựng hiện nay đang thu hẹp những diện tích đất canh tác	1	5	3,84	0,946
4. Hoạt động du lịch, xây dựng đô thị trên đảo đang gây áp lực lớn lên môi trường tự nhiên	1	5	3,61	1,045
5. Đảo có quy hoạch không gian đô thị rõ ràng, phân chia khu dân cư - dịch vụ - du lịch hợp lý	1	5	3,91	0,908
6. Việc xây dựng nhà ở, công trình trên đảo được quản lý chặt chẽ theo quy hoạch	1	5	3,89	0,900

7. Có sự gia tăng các khu đô thị mới, khu dân cư kiểu mẫu hoặc tổ hợp du lịch - dịch vụ trên đảo	1	5	3,76	0,948
8. Có nhiều công trình nhà cửa tư nhân đang mọc lên nhanh chóng	1	5	3,94	0,879
9. Quy hoạch đô thị hiện chưa tính đến biến đổi khí hậu và nước biển dâng	1	5	3,80	0,941

Nguồn: Khảo sát của nhiệm vụ, 2025.

Để khái quát mức độ áp lực môi trường trong bối cảnh đô thị hóa, nhóm các chỉ báo phản ánh những biểu hiện khác nhau của suy giảm chất lượng môi trường và gia tăng áp lực lên hệ sinh thái địa phương được xem xét như các thành phần của một thang đo tổng hợp. Biến số tổng hợp: “Áp lực môi trường” được gộp lại từ các chỉ báo trên. Các chỉ báo này không hàm ý quan hệ nhân quả trực tiếp với quá trình đô thị hóa, mà phản ánh những trạng thái và cảm nhận về môi trường tại các khu vực đang chịu tác động của các hoạt động phát triển đô thị.

Độ tin cậy nội tại của thang đo được kiểm định bằng hệ số Cronbach’s Alpha nhằm đánh giá mức độ nhất quán giữa các chỉ báo trong việc phản ánh một cấu trúc khái niệm đơn chiều về áp lực môi trường. Kết quả cho thấy thang đo đạt độ tin cậy cao ($\alpha = 0,825$), cho phép sử dụng giá trị trung bình của các biến thành phần để hình thành chỉ số tổng hợp đại diện cho mức độ áp lực môi trường tại địa bàn nghiên cứu. Trên cơ sở đó, giá trị trung bình của các biến thành phần được sử dụng để hình thành chỉ số tổng hợp đại diện cho mức độ áp lực môi trường do đô thị hóa.

Kết quả mô tả cho thấy biến “Áp lực môi trường” đạt giá trị trung bình 3,85 với độ lệch chuẩn 0,70, cho thấy cư dân đánh giá mức độ tác động môi trường ở mức khá cao và có sự tương đối đồng thuận giữa các nhóm khảo sát. Giá trị trung bình cao phản ánh cảm nhận rõ nét của cộng đồng về sự gia tăng áp lực lên tài nguyên, chất lượng môi trường và không gian sinh thái trong quá trình đô thị hóa, trong khi độ phân tán không lớn cho thấy các đánh giá không mang tính cá biệt mà có xu hướng phổ biến trong cộng đồng. Chỉ số tổng hợp này góp phần củng cố và khái quát hóa các phân tích chi tiết ở trên, cho thấy các biểu hiện suy giảm tài nguyên, ô nhiễm môi trường và áp lực xây dựng không tồn tại một cách rời rạc, mà liên kết với nhau thành một cấu trúc tác động có tính hệ thống và lan tỏa. Đây cũng là cơ sở quan trọng để tiếp tục phân tích các tác động dây chuyền của đô thị hóa đến sinh kế và đời sống xã hội của cư dân đảo trong các phần tiếp theo.

Nhìn chung, các kết quả phân tích cho thấy quá trình đô thị hóa tại các đảo khu vực Nam Bộ đang tạo ra áp lực lớn lên môi trường tự nhiên, thể hiện qua cả sự suy giảm tài nguyên, ô nhiễm môi trường và những tác động tiêu cực từ phát triển, xây dựng thiếu bền vững. Đây là những vấn đề mang tính cấu trúc, đòi hỏi phải được xem xét nghiêm túc trong công tác quy hoạch và quản lý đô thị đảo nhằm hạn chế nguy cơ mất cân bằng sinh thái trong tương lai.

3.2. Vấn đề sinh kế của cư dân đảo

Biến đổi sinh kế, cơ hội việc làm và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Kết quả khảo sát cho thấy quá trình đô thị hóa đã và đang tạo ra những biến đổi đáng kể trong cơ cấu sinh kế của cư dân đảo khu vực Nam Bộ. Truyền thống sinh kế của người dân chủ yếu dựa vào các hoạt động đánh bắt thủy sản, nông nghiệp quy mô nhỏ và một phần dịch vụ gắn với du lịch. Tuy nhiên, quá trình mở rộng không gian đô thị và phát triển hạ tầng đã làm thu hẹp dần không gian sản xuất truyền thống. Nhiều cư dân cho rằng diện tích đất canh tác nông nghiệp trên đảo đang bị thu hẹp rõ rệt (Mean = 3,84), ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng duy trì sinh kế của các hộ gia đình phụ thuộc vào nông nghiệp.

Bên cạnh đó, sự suy giảm tài nguyên biển cũng tác động tiêu cực đến các hoạt động đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. Giá trị trung bình đánh giá về tình trạng suy giảm tài nguyên biển ở mức khá cao (Mean = 4,05), cho thấy sinh kế dựa vào khai thác tài nguyên tự nhiên đang chịu nhiều rủi ro trong bối cảnh đô thị hóa và gia tăng áp lực môi trường. Điều này làm giảm tính ổn định và bền vững của sinh kế truyền thống, đặc biệt đối với các nhóm cư dân có thời gian sinh sống lâu dài trên đảo.

Mặc dù vậy, đô thị hóa và phát triển du lịch cũng tạo ra một số cơ hội việc làm mới trong lĩnh vực dịch vụ, thương mại và du lịch. Nhiều ý kiến cho rằng có sự xuất hiện của các cơ hội việc làm mới nhờ quá trình đô thị hóa đảo (Mean = 3,85), đồng thời cơ cấu kinh tế địa phương đang có xu hướng chuyển dịch theo hướng kinh tế đô thị (Mean = 3,97). Tuy nhiên, mức đánh giá này cho thấy các cơ hội việc làm mới chưa thực sự nổi trội và chưa đủ để bù đắp cho sự suy giảm của sinh kế truyền thống, nhất là đối với các hộ gia đình có trình độ nghề và khả năng thích ứng còn hạn chế.

BẢNG 3. ĐÁNH GIÁ CỦA CƯ DÂN VỀ BIẾN ĐỔI SINH KẾ, CƠ HỘI VIỆC LÀM VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ Ở CÁC ĐẢO

Các nhận định	Giá trị nhỏ nhất (Min)	Giá trị lớn nhất (Max)	Giá trị trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (Std.Deviation)
1. Có nhiều mâu thuẫn trong sử dụng đất về mặt pháp lý cho sinh kế dân cư trên đảo hiện nay.	1	5	3,91	0,957
2. Tài nguyên biển (san hô, thủy sản) ngày càng bị suy giảm	1	5	4,05	0,912
3. Diện tích canh tác nông nghiệp trên đảo đang bị thu hẹp dần.	1	5	3,84	0,971
4. Có nhiều cơ hội việc làm mới xuất hiện nhờ quá trình đô thị hóa đảo.	1	5	3,85	0,986
5. Tôi cảm nhận đảo đang chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng kinh tế đô thị.	1	5	3,97	0,814

Nguồn: Khảo sát của nhiệm vụ, 2025.

Áp lực chuyển đổi sinh kế và mức độ dễ tổn thương của cư dân đảo

Quá trình đô thị hóa làm gia tăng áp lực chuyển đổi sinh kế đối với cư dân địa phương. Nhiều hộ gia đình buộc phải tìm kiếm các nguồn thu nhập mới do sinh kế truyền thống không còn đảm bảo ổn định. Kết quả khảo sát cho thấy việc thu hẹp không gian sinh kế và những mâu thuẫn trong sử dụng đất cũng làm gia tăng mức độ tổn thương sinh kế. Nhiều ý kiến cho rằng hiện đang tồn tại các vấn đề pháp lý và xung đột trong sử dụng đất phục vụ sinh kế trên đảo (Mean = 3,91) (Bảng 3). Điều này đặc biệt ảnh hưởng đến các hộ gia đình phụ thuộc vào đất sản xuất và mặt nước ven bờ, làm gia tăng sự bất ổn và thiếu an toàn trong sinh kế lâu dài.

Đô thị hóa không chỉ tác động đến thu nhập và việc làm mà còn làm thay đổi nền tảng sinh kế gắn với văn hóa sinh tồn của cư dân đảo. Nhiều ý kiến cho rằng phát triển đô thị hiện nay chưa thực sự chú trọng đến sinh kế truyền thống như đánh bắt và nông nghiệp (Mean = 3,74), dẫn đến nguy cơ mai một các nghề truyền thống và tri thức bản địa. Sự thay đổi lối sống do đô thị hóa cũng được ghi nhận là đang làm một số tập quán và phong tục truyền thống dần bị suy giảm (Mean = 3,58).

Ngoài ra, việc phát triển du lịch và đô thị hóa nhanh có thể tạo ra sự cạnh tranh không cân bằng giữa các hoạt động sinh kế truyền thống của cư dân địa phương và các mô hình kinh tế mới do các chủ thể bên ngoài chi phối. Điều này làm gia tăng xung đột lợi ích trong sử dụng tài nguyên và không gian sinh kế, đồng thời đặt ra thách thức lớn đối với mục tiêu bảo đảm sinh kế bền vững cho cư dân đảo trong dài hạn.

BẢNG 4. ĐÁNH GIÁ CỦA CƯ DÂN VỀ XUNG ĐỘT GIỮA ĐÔ THỊ HÓA VÀ DUY TRÌ SINH KẾ GẮN VỚI VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG Ở CÁC ĐẢO

Các nhận định	Giá trị nhỏ nhất (Min)	Giá trị lớn nhất (Max)	Giá trị trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (Std. Deviation)
2. Sự phát triển của đô thị đã làm thay đổi lối sống của người dân khiến cho một số tập quán, phong tục truyền thống đang dần mai một.	1	5	3,58	1,102
2. Phát triển đô thị đảo chưa chú trọng đến sinh kế truyền thống của cư dân (đánh bắt cá, nông nghiệp)	1	5	3,74	1,052

Nguồn: Khảo sát của nhiệm vụ, 2025.

Tổng hợp các kết quả phân tích cho thấy, sinh kế cư dân tại các đảo tại khu vực Nam Bộ đang có những thay đổi trong bối cảnh đô thị hóa đảo. Trong khi một số cơ hội việc làm mới xuất hiện, thì sinh kế truyền thống lại chịu nhiều sức ép từ suy giảm tài nguyên, thu hẹp không gian sản xuất và những bất cập trong quản lý đất đai và hỗ trợ chuyển đổi nghề. Đây là những vấn đề cần được xem xét đồng bộ trong quá trình hoạch định chính sách và quy hoạch phát triển đô thị đảo nhằm giảm thiểu rủi ro sinh kế và đảm bảo sự ổn định cho cộng đồng cư dân địa phương.

3.3. Các vấn đề văn hóa - xã hội

Quá trình đô thị hóa tại các đảo khu vực Nam Bộ không chỉ tác động đến môi trường tự nhiên và sinh kế mà còn tạo ra những biến đổi đáng kể trong cấu trúc xã hội và đời sống văn hóa của cộng đồng cư dân địa phương. Các kết quả khảo sát cho thấy những tác động này diễn ra theo cả hai chiều, vừa góp phần cải thiện một số điều kiện xã hội, vừa đặt ra nguy cơ làm suy giảm các giá trị văn hóa đặc trưng của cư dân đảo.

Trước hết, đô thị hóa gắn với phát triển hạ tầng và dịch vụ xã hội đã tạo ra những thay đổi tích cực nhất định trong đời sống xã hội. Nhiều cư dân cho rằng hệ thống giao thông nội đảo, điện, viễn thông và các dịch vụ hành chính công đã được cải thiện (Mean = 3,96 - 4,21), góp phần nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ công và điều kiện sinh hoạt hàng ngày. Đồng thời, mức độ đảm bảo an ninh trật tự trên đảo được đánh giá khá cao (Mean = 4,26), tạo nền tảng xã hội tương đối ổn định cho quá trình phát triển đô thị.

Tuy nhiên, song hành với những cải thiện về hạ tầng xã hội là những biến đổi sâu sắc trong đời sống văn hóa cộng đồng. Kết quả khảo sát cho thấy nhiều ý kiến cho rằng quá trình đô thị hóa và phát triển du lịch đã làm thay đổi lối sống của cư dân đảo, khiến một số tập quán, phong tục truyền thống có xu hướng mai một (Mean = 3,58). Việc phát triển du lịch đại trà cũng được ghi nhận là đang tác động đến bản sắc cộng đồng đảo (Mean = 3,91), phản ánh nguy cơ thương mại hóa các giá trị văn hóa và làm giảm ý nghĩa nguyên bản của các không gian sinh hoạt văn hóa truyền thống.

Bên cạnh đó, việc bảo tồn và lồng ghép các yếu tố văn hóa trong quy hoạch đô thị hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế. Một số ý kiến cho rằng văn hóa bản địa chưa thực sự được coi trọng trong quy hoạch phát triển (Mean = 3,62), trong khi thiết kế đô thị và không gian xây dựng chưa hoàn toàn phù hợp với điều kiện sinh thái và văn hóa đặc thù của đảo (Mean = 3,65). Điều này cho thấy sự thiếu gắn kết giữa phát triển đô thị hiện đại và bảo tồn các giá trị văn hóa - lịch sử của cộng đồng cư dân đảo.

Ngoài ra, đô thị hóa còn làm biến đổi cấu trúc và mối quan hệ xã hội truyền thống trên đảo. Sự gia tăng dân số cơ học, xuất hiện các khu dân cư mới và sự tham gia ngày càng nhiều của các chủ thể kinh tế bên ngoài làm thay đổi tính gắn kết cộng đồng vốn có của cư dân đảo. Mặc dù các không gian công cộng như công viên, quảng trường và chợ trung tâm được đầu tư và nâng cấp ở mức tương đối (Mean = 4,02–4,06), nhưng nếu thiếu định hướng văn hóa rõ ràng, các không gian này khó có thể trở thành nơi duy trì và tái tạo các giá trị sinh hoạt cộng đồng truyền thống.

BẢNG 5. ĐÁNH GIÁ CỦA CƯ DÂN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA ĐÔ THỊ HÓA ĐẾN XÃ HỘI - VĂN HÓA Ở CÁC ĐẢO

Các nhận định	Giá trị nhỏ nhất (Min)	Giá trị lớn nhất (Max)	Giá trị trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (Std.Deviation)
1. Phát triển du lịch đại trà đang làm thay đổi nhận thức về bản sắc cộng đồng đảo.	1	5	3,91	0,998
2. Trên đảo đã có hệ thống đường giao thông được nâng	1	5	4,21	0,845

cấp, kết nối các điểm dân cư, cảng, trung tâm hành chính.				
3. Không gian công cộng như công viên, quảng trường, chợ trung tâm... đang được đầu tư và nâng cấp.	1	5	4,02	0,889
4. Người dân tiếp cận được các dịch vụ hành chính công thuận tiện.	1	5	3,96	0,896
5. Sự phát triển của đô thị đã làm thay đổi lối sống của người dân khiến cho một số tập quán, phong tục truyền thống đang dần mai một.	1	5	3,58	1,102
6. Văn hóa bản địa chưa được coi trọng trong quy hoạch phát triển hiện nay	1	5	3,62	1,116
7. Tôi cảm thấy an ninh trật tự trên đảo được đảm bảo tốt, tạo niềm tin cho phát triển lâu dài.	1	5	4,26	0,833
8. Không gian công cộng như công viên, quảng trường, chợ trung tâm... đang được đầu tư và nâng cấp	1	5	4,06	0,926
9. Thiết kế đô thị hiện nay chưa phù hợp với điều kiện sinh thái của đảo	1	5	3,65	1,041

Nguồn: Khảo sát của nhiệm vụ, 2025.

Tổng hợp các kết quả phân tích cho thấy, quá trình đô thị hóa tại các đảo khu vực Nam Bộ đang tạo ra những tác động xã hội - văn hóa mang tính hai mặt. Trong khi điều kiện hạ tầng xã hội và an ninh trật tự có xu hướng được cải thiện, thì các giá trị văn hóa bản địa và tính gắn kết cộng đồng lại đứng trước nguy cơ bị suy giảm nếu không được quan tâm đúng mức trong quá trình quy hoạch và phát triển đô thị. Đây là một trong những thách thức quan trọng đối với mục tiêu phát triển đô thị đảo bền vững, đòi hỏi các chính sách và giải pháp phát triển cần chú trọng hơn đến yếu tố xã hội - văn hóa như một nền tảng không thể tách rời của quá trình đô thị hóa.

Thảo luận chung

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong bối cảnh đô thị hóa và gia tăng các hoạt động phát triển tại các đảo khu vực Nam Bộ, cộng đồng cư dân địa phương đang phải đối mặt với nhiều vấn đề đa chiều và đan xen liên quan đến môi trường tự nhiên, sinh kế và cấu trúc xã hội - văn hóa của cộng đồng cư dân địa phương. Các vấn đề này không tồn tại độc lập mà có mối quan hệ chặt chẽ, trong đó những áp lực của môi trường đóng vai trò nền tảng, kéo theo những hệ lụy về sinh kế và sự ổn định xã hội trong không gian đảo vốn có tính nhạy cảm cao.

Trước hết, các kết quả phân tích cho thấy môi trường tự nhiên tại các đảo đang phải đối mặt với nhiều áp lực, thể hiện qua suy giảm tài nguyên, gia tăng ô nhiễm và những rủi ro sinh thái ngày càng rõ nét. Đây là đặc điểm phổ biến của nhiều đảo đang phát triển theo hướng du lịch - đô thị, nơi mà tốc độ phát triển nhanh thường vượt quá khả năng chịu tải của hệ sinh thái. Việc gia tăng rác thải, suy giảm chất lượng môi trường biển, thiếu hụt nguồn nước ngọt và nguy cơ xói lở bờ biển cho thấy môi trường đảo đang phải chịu áp lực lớn từ quá trình đô thị hóa, đồng thời cho thấy năng lực quản lý và hạ tầng môi trường tại đảo chưa theo kịp tốc độ gia tăng nhu cầu sinh hoạt và dịch vụ. Trong bối cảnh phát triển theo hướng du lịch - đô thị, khi không gian xây dựng và các hoạt động kinh tế mở rộng nhanh, các hệ sinh thái đảo với sức chịu tải hạn chế dễ trở thành khu vực chịu áp lực môi trường sớm và rõ rệt.

Gắn với những vấn đề môi trường nêu trên, sinh kế của cư dân đảo cũng đứng trước nhiều thách thức. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh kế truyền thống như đánh bắt thủy sản và nông nghiệp đang chịu áp lực lớn từ suy giảm tài nguyên và thu hẹp không gian sản xuất. Mặc dù đô thị hóa và phát triển du lịch tạo ra một số cơ hội việc làm mới, nhưng các cơ hội này chưa đủ để bù đắp cho sự mất mát của sinh kế truyền thống, đặc biệt đối với các nhóm cư dân phụ thuộc nhiều vào tài nguyên tự nhiên và có khả năng thích ứng hạn chế. Điều này cho thấy đô thị hóa đảo đang tạo ra một quá trình chuyển dịch sinh kế mang tính “ép buộc” hơn là chuyển đổi chủ động, làm gia tăng mức độ dễ tổn thương sinh kế của cộng đồng địa phương.

Bên cạnh đó, những biến đổi về sinh kế và môi trường có mối liên hệ với các biến đổi trong cấu trúc xã hội - văn hóa của cư dân đảo. Sự suy giảm của các nghề truyền thống không chỉ là vấn đề kinh tế mà còn kéo theo nguy cơ mai một tri thức bản địa, tập quán sinh hoạt và các mối liên kết cộng đồng gắn với sinh kế. Kết quả khảo sát cho thấy lối sống của cư dân đang có xu hướng thay đổi theo nhịp phát triển du lịch và dịch vụ, đồng thời gia tăng nguy cơ thương mại hóa các giá trị văn hóa và làm suy giảm vai trò của các không gian văn hóa truyền thống. Trong khi đó, công tác quy hoạch và thiết kế đô thị hiện nay chưa thực sự chú trọng đến việc lồng ghép các yếu tố văn hóa bản địa, làm gia tăng nguy cơ đồng nhất không gian đảo theo mô hình đô thị đất liền.

Đáng chú ý, các kết quả nghiên cứu cho thấy tồn tại một vòng tác động khép kín giữa môi trường - sinh kế - xã hội. Suy giảm môi trường làm giảm khả năng duy trì sinh kế truyền thống; sinh kế bấp bênh làm gia tăng áp lực khai thác tài nguyên và phụ thuộc vào các hoạt động kinh tế ngắn hạn; trong khi những biến đổi xã hội - văn hóa lại làm suy yếu năng lực tự điều chỉnh và gắn kết cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường và duy trì sinh kế bền vững. Nếu không có các can thiệp chính sách kịp thời, vòng tác động này có thể dẫn đến nguy cơ phát triển đô thị đảo theo hướng thiếu bền vững và làm xói mòn nền tảng phát triển lâu dài.

Từ kết quả khảo sát và các ý kiến định tính thu thập được, có thể nhận diện một số nguyên nhân trực tiếp làm gia tăng các vấn đề môi trường và hệ lụy sinh kế - xã hội tại các đảo nghiên cứu. Thứ nhất, sự quá tải về rác thải và suy giảm chất lượng môi trường gắn liền với hạn chế trong đầu tư hạ tầng thu gom, phân loại và xử lý chất thải, cũng như năng lực tổ chức dịch vụ môi trường còn phụ thuộc vào đất liền, khiến việc xử lý không theo kịp tốc độ gia tăng dân cư và khách du lịch. Thứ hai, các khó khăn trong duy trì và chuyển đổi sinh kế phản ánh sự thiếu hụt các chương trình hỗ trợ sinh kế thích ứng với điều kiện đảo, bao gồm đào tạo nghề phù hợp, tiếp cận vốn và kết nối với chuỗi giá trị du lịch - dịch vụ, dẫn đến việc nhiều hộ dân không thể tham gia hiệu quả vào các lĩnh vực kinh

tế mới. Thứ ba, những biến đổi về xã hội - văn hóa và không gian sống liên quan đến cách tiếp cận quy hoạch còn thiên về phát triển chức năng kinh tế và hạ tầng kỹ thuật, trong khi các không gian sinh hoạt cộng đồng, không gian văn hóa và cảnh quan bản địa chưa được coi là cấu phần quan trọng trong tổ chức không gian đảo. Những nguyên nhân này cho thấy các vấn đề môi trường, sinh kế và xã hội không chỉ xuất phát từ áp lực phát triển nói chung, mà còn liên quan trực tiếp đến cách thức quản lý, phân bổ nguồn lực và định hướng quy hoạch tại địa phương, từ đó tạo cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các nhóm giải pháp tương ứng.

Mặc dù cung cấp những bằng chứng thực nghiệm quan trọng về mối liên hệ giữa các vấn đề môi trường, sinh kế và xã hội - văn hóa tại các đảo khu vực Nam Bộ, nghiên cứu này vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định. Trước hết, dữ liệu khảo sát chủ yếu dựa trên đánh giá và cảm nhận của cư dân địa phương, do đó phản ánh khía cạnh chủ quan và chưa kết hợp đầy đủ với các chỉ báo môi trường đo đạc khách quan như chất lượng nước, mức độ suy thoái hệ sinh thái hay tải lượng chất thải thực tế. Hơn nữa, nghiên cứu được thực hiện theo thiết kế cắt ngang tại một thời điểm, nên chưa phản ánh được đầy đủ xu hướng biến đổi dài hạn cũng như chưa cho phép xác định quan hệ nhân - quả giữa các quá trình phát triển và các vấn đề môi trường - sinh kế. Bên cạnh đó, phạm vi nghiên cứu tập trung vào một số đảo tiêu biểu, vì vậy kết quả khó có thể khái quát cho toàn bộ hệ thống đảo của khu vực Nam Bộ với sự khác biệt lớn về quy mô dân số, mức độ phát triển và năng lực quản lý địa phương.

Chính từ những hạn chế này, các giải pháp được đề xuất trong nghiên cứu cần được hiểu như những định hướng can thiệp mang tính gợi mở, nhấn mạnh yêu cầu tiếp cận tích hợp giữa quản lý môi trường, hỗ trợ sinh kế và bảo tồn giá trị văn hóa trong quy hoạch phát triển đảo, đồng thời cần được tiếp tục kiểm chứng và điều chỉnh thông qua các nghiên cứu chuyên sâu hơn theo từng địa bàn cụ thể và theo chuỗi thời gian dài hơn.

4. Các giải pháp

Trên cơ sở các nguyên nhân đã được nhận diện, bao gồm hạn chế về hạ tầng môi trường, thiếu cơ chế hỗ trợ chuyển đổi sinh kế phù hợp và bất cập trong lồng ghép yếu tố văn hóa - cộng đồng vào quy hoạch đảo, nghiên cứu đề xuất ba nhóm giải pháp chính như sau:

4.1. Giải pháp về môi trường

Trước áp lực gia tăng từ đô thị hóa đối với môi trường đảo, chính sách phát triển cần ưu tiên kiểm soát sức tải sinh thái, bảo vệ tài nguyên và nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Trọng tâm trước hết là nâng cấp đồng bộ hệ thống thu gom, phân loại và xử lý rác thải, nước thải theo hướng phù hợp với quy mô và điều kiện không gian đảo, giảm thiểu rác thải nhựa trong hoạt động du lịch và dịch vụ, đồng thời tăng cường kiểm soát nguồn thải từ các khu dân cư và cơ sở kinh doanh.

Bên cạnh đó, cần bảo đảm an ninh nguồn nước thông qua quản lý tổng hợp tài nguyên nước, khuyến khích thu gom và trữ nước mưa, kiểm soát khai thác nước ngầm và hạn chế bê tông hóa bề mặt. Việc lồng ghép các giải pháp dựa vào tự nhiên như phục hồi thảm thực vật ven biển và vùng sinh thái đệm không chỉ góp phần giảm xâm nhập mặn, giữ nước mà còn nâng cao khả năng chống chịu của hệ sinh thái đảo.

Cuối cùng, cần tăng cường năng lực quản lý môi trường thông qua phối hợp liên ngành, minh bạch thông tin và thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng và doanh nghiệp trong giám sát, bảo vệ tài nguyên, qua đó hình thành cơ chế đồng quản lý phù hợp với điều kiện đảo..

4.2. Giải pháp về sinh kế

Trong bối cảnh đô thị hóa làm thu hẹp không gian sinh kế truyền thống và gia tăng áp lực chuyển đổi nghề, chính sách phát triển cần hướng tới bảo đảm sinh kế bền vững và giảm mức độ dễ tổn thương của cư dân đảo. Trọng tâm trước hết là xây dựng các chương trình hỗ trợ chuyển đổi sinh kế gắn với nhu cầu thực tế của thị trường địa phương, đặc biệt trong các lĩnh vực dịch vụ du lịch, logistics, thương mại và kinh tế biển xanh. Các chương trình đào tạo nghề cần chú trọng nâng cao kỹ năng thực hành, ngoại ngữ và năng lực thích ứng nghề nghiệp, đồng thời tạo điều kiện tiếp cận tín dụng ưu đãi cho các hộ gia đình có nhu cầu đầu tư mô hình sinh kế mới.

Bên cạnh chuyển đổi nghề, cần bảo vệ và nâng cao giá trị của các sinh kế truyền thống gắn với tài nguyên biển và văn hóa bản địa, thông qua hỗ trợ cải tiến kỹ thuật khai thác bền vững, phát triển chuỗi giá trị sản phẩm địa phương và liên kết sinh kế với du lịch cộng đồng. Điều này không chỉ góp phần duy trì sinh kế ổn định mà còn hạn chế nguy cơ mai một tri thức bản địa và gia tăng sự phụ thuộc vào các hoạt động kinh tế ngắn hạn.

Đồng thời, cần hoàn thiện cơ chế quản lý và phân bổ đất đai, mặt nước phục vụ sinh kế theo hướng minh bạch và công bằng, giảm thiểu xung đột sử dụng đất giữa phát triển đô thị và không gian sản xuất truyền thống. Các chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư và phục hồi sinh kế cho các hộ bị ảnh hưởng bởi quy hoạch cần được thực hiện đồng bộ, đảm bảo người dân có khả năng tái tạo sinh kế ổn định sau chuyển đổi.

Thêm vào đó, cần thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng địa phương trong xây dựng và giám sát các chương trình phát triển sinh kế, nhằm tăng tính phù hợp, tính bao trùm và hiệu quả lâu dài của chính sách trong bối cảnh đô thị hóa đảo.

4.3. Giải pháp về quy hoạch và quản lý

Trong bối cảnh đô thị hóa đảo diễn ra nhanh và chịu nhiều ràng buộc về không gian, tài nguyên và cấu trúc xã hội, công tác quy hoạch và quản lý cần được đổi mới theo hướng tích hợp giữa mục tiêu kinh tế, bảo vệ môi trường và gìn giữ các giá trị văn hóa - xã hội của cộng đồng địa phương. Quy hoạch đô thị đảo không chỉ là bài toán tổ chức không gian vật chất, mà còn cần bảo đảm duy trì không gian sinh hoạt văn hóa, không gian sinh kế truyền thống và bản sắc cộng đồng cư dân đảo. Đồng thời, hoạt động xây dựng và sử dụng đất cần được kiểm soát chặt chẽ trên cơ sở quy hoạch không gian sinh thái và đánh giá sức tải môi trường, hạn chế mở rộng xây dựng tại các khu vực nhạy cảm ven biển và ven rừng, đảm bảo tỷ lệ không gian xanh và hành lang bảo vệ cảnh quan. Quy hoạch đô thị đảo cần tích hợp đầy đủ kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng nhằm giảm thiểu rủi ro trong dài hạn.

Thứ nhất, quy hoạch cần tiếp cận theo mô hình không gian tổng hợp, dựa trên đánh giá sức tải môi trường và mức độ nhạy cảm sinh thái - xã hội, hạn chế phát triển dàn trải và ưu tiên sử dụng hiệu quả quỹ đất đảo. Các khu vực có giá trị cảnh quan, di sản, làng nghề và không gian văn hóa cộng đồng cần được khoanh vùng bảo vệ, gắn với phát triển du lịch bền vững và kinh tế sáng tạo địa phương.

Thứ hai, cần tăng cường tính liên thông giữa các cấp quy hoạch và giữa các ngành quản lý, giảm chồng chéo trong cấp phép đầu tư, đất đai, xây dựng và bảo tồn. Các công cụ đánh giá tác động môi trường - xã hội và rủi ro khí hậu cần được tích hợp thực chất vào quá trình lập và điều chỉnh quy hoạch.

Thứ ba, cần đẩy mạnh minh bạch thông tin quy hoạch, cơ chế tham vấn cộng đồng và sự tham gia của người dân trong giám sát thực thi, nhằm giảm xung đột lợi ích và nâng cao tính đồng thuận xã hội. Việc ứng dụng dữ liệu không gian và công nghệ số sẽ hỗ trợ quản lý hiệu quả biến động sử dụng đất, tài nguyên và hạ tầng.

Thứ tư, cần nâng cao năng lực thể chế và trách nhiệm giải trình của chính quyền địa phương, bảo đảm thực thi quy hoạch nhất quán, hài hòa giữa phát triển đô thị, bảo tồn môi trường và gìn giữ bản sắc văn hóa đảo.

5. Kết luận

Nghiên cứu phân tích tác động của đô thị hóa đối với môi trường tự nhiên, sinh kế và không gian xã hội - văn hóa của cộng đồng cư dân đảo khu vực Nam Bộ, dựa trên dữ liệu khảo sát 523 người dân tại Phú Quốc, Kiên Hải và Côn Đảo. Kết quả cho thấy đô thị hóa đang gia tăng áp lực lên hệ sinh thái đảo thông qua suy giảm tài nguyên và ô nhiễm môi trường, đồng thời làm thu hẹp sinh kế truyền thống, gia tăng nhu cầu chuyển đổi nghề và phát sinh xung đột sử dụng đất.

Bên cạnh tác động kinh tế, đô thị hóa còn làm biến đổi không gian xã hội - văn hóa của cộng đồng đảo, thể hiện qua sự thay đổi quan hệ cộng đồng, thu hẹp không gian sinh hoạt truyền thống và gia tăng xung đột trong sử dụng đất giữa mục tiêu phát triển đô thị và nhu cầu sinh kế của người dân. Các kết quả phân tích cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa suy giảm chất lượng môi trường với tính dễ tổn thương của sinh kế và sự biến đổi cấu trúc xã hội địa phương, qua đó khẳng định môi trường tự nhiên đóng vai trò nền tảng trong chuỗi tác động của đô thị hóa tại các đảo.

Từ các bằng chứng thực nghiệm này, nghiên cứu cho rằng việc quản lý quá trình đô thị hóa tại các đảo Nam Bộ cần được tiếp cận theo hướng tích hợp, trong đó bảo vệ môi trường và an ninh tài nguyên là điều kiện tiên quyết để bảo đảm sinh kế bền vững và ổn định xã hội. Trên cơ sở các nguyên nhân đã phân tích, bài viết đề xuất ba nhóm hàm ý chính sách trọng tâm gồm: (i) tăng cường kiểm soát sức tải môi trường và năng lực xử lý chất thải; (ii) hỗ trợ chuyển đổi sinh kế gắn với nâng cao vốn nhân lực và khả năng tiếp cận cơ hội kinh tế của cư dân địa phương; và (iii) hoàn thiện quy hoạch và quản lý phát triển đô thị theo hướng hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng và bảo tồn không gian sống - văn hóa của cộng đồng đảo.

Về mặt học thuật, nghiên cứu bổ sung bằng chứng định lượng về mối quan hệ giữa đô thị hóa, biến đổi môi trường và sinh kế cộng đồng tại các đảo ở Việt Nam, góp phần làm rõ tính liên kết giữa các chiều cạnh môi trường, kinh tế và xã hội trong bối cảnh phát triển nhanh. Trong thời gian tới, các nghiên cứu tiếp theo cần tiếp cận theo chuỗi thời gian và kết hợp dữ liệu liên ngành để đánh giá sâu hơn động thái biến đổi sinh kế và mức độ bền vững của các mô hình phát triển tại khu vực đảo.

Tài liệu tham khảo

1. Briguglio, L. (1995). *Small island developing states and their economic vulnerabilities*. World Development, 23(9), 1615–1632.
2. Department for International Development (DFID). (1999). *Sustainable livelihoods guidance sheets*. DFID.
3. Department for International Development (DFID). (2001). *A framework for sustainable livelihoods*. DFID.
4. Grydehøj, A. (2015). *Island city formation and urban island studies*. Area, 47(4), 429–435. Truy cập tại <https://doi.org/10.1111/area.12207>
5. United Nations Department of Economic and Social Affairs (UN DESA). (2019). *World urbanization prospects: The 2018 revision*. UN DESA.
6. United Nations Development Programme. (2016). *Promoting sustainable livelihoods, reducing vulnerability and building resilience*. UNDP. Truy cập ngày 05/02/2026 tại: <https://www.undp.org/publications/promoting-sustainable-livelihoods-reducing-vulnerability-and-building-resilience>.
7. Viện Nghiên cứu Phát triển du lịch (2021). *Ô nhiễm rác thải nhựa tại các khu du lịch biển*. Truy cập ngày 26/01/2026 tại: https://itdr.org.vn/ngghien_cuu/o-nhiem-rac-thai-nhua-tai-cac-khu-du-lich-bien/.
8. World Bank. (2022). *Vietnam plastic pollution diagnostics*. Truy cập ngày 05/02/2026 tại: <https://documents1.worldbank.org/curated/en/099731406282241639/pdf/P1673070d02f2c0be080740356b6b0e3deb.pdf>.